

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG
Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	05-28
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-28

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Thép Đà Nẵng thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam theo Quyết định số 690/QĐ-BCN ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Tên giao dịch của Công ty là: Da Nang Steel Joint Stock Company. Tên viết tắt là: DSC.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 0400101549 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 05 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh: phôi thép, thép xây dựng các loại, tôn mạ màu, xà gồ, lưới thép, thép chế tạo thông dụng, các chi tiết gang thép, các loại khí công nghiệp;
- Đại lý, kinh doanh mua bán vật tư, nguyên vật liệu;
- Gia công, chế tạo các chi tiết gang thép;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm thép, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu và trang thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh thép, sản xuất và kinh doanh khí ôxy y tế.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 59.537.470.000 VND (Năm mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng). Tương đương 5.953.747 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các công ty liên kết:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Thép Miền Trung	KCN An Đồn, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Bảo Giang	Chủ tịch
Ông Đinh Xuân Đức	Ủy viên
Ông Huỳnh Trung Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Chánh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trung Quang	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Chánh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Huỳnh Thị Quỳnh Thu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2009
Ông Nguyễn Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2009

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Bình	Trưởng ban
Bà Lê Thị Tường Ngọc	Ủy viên
Bà Ngô Thị Kim Anh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

Huỳnh Trung Quang



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: 342 /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng được lập ngày 10 tháng 03 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 5 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

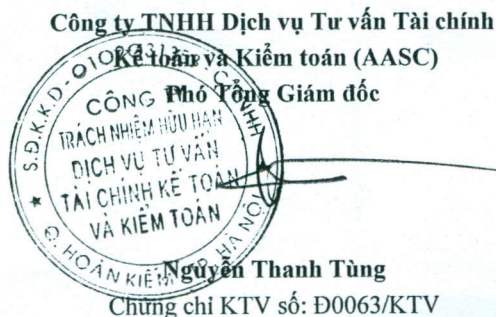
Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:

Công ty đang phản ánh trên chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh năm 2009 bao gồm cả giá trị của hàng hóa nhập khẩu ủy thác theo các hợp đồng ủy thác nhập khẩu với số tiền 774,4 tỷ đồng.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2010



Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biên

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNGKhu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		296.598.328.417	226.654.558.497
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		12.312.672.962	12.301.869.467
111	1 Tiền	3	12.312.672.962	12.301.869.467
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		73.125.930.276	82.874.844.012
131	1 Phải thu của khách hàng		10.240.541.348	17.353.040.325
132	2 Trả trước cho người bán		62.610.707.401	65.263.457.453
135	5 Các khoản phải thu khác	4	338.277.923	321.942.630
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(63.596.396)	(63.596.396)
140	IV Hàng tồn kho		182.055.208.979	118.528.300.112
141	1 Hàng tồn kho	5	182.055.208.979	141.539.429.985
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(23.011.129.873)
150	V Tài sản ngắn hạn khác		29.104.516.200	12.949.544.906
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		691.528.856	1.230.896.624
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		4.685.627.061	2.067.568.867
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	26.960.969	2.385.206.675
158	4 Tài sản ngắn hạn khác	7	23.700.399.314	7.265.872.740
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		97.765.034.718	95.252.384.489
220	II Tài sản cố định		52.536.453.372	55.448.393.786
221	1 Tài sản cố định hữu hình	8	49.851.647.172	55.266.908.072
222	- Nguyên giá		76.448.982.213	74.110.840.930
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(26.597.335.041)	(18.843.932.858)
227	3 Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(40.000.000)	(40.000.000)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	2.684.806.200	181.485.714
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	38.527.136.500	36.527.136.500
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		4.000.000.000	2.000.000.000
258	3 Đầu tư dài hạn khác		34.527.136.500	34.527.136.500
260	V Tài sản dài hạn khác		6.701.444.846	3.276.854.203
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	11	6.701.444.846	3.276.854.203
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		394.363.363.135	321.906.942.986

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNGKhu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A NỢ PHẢI TRẢ		322.317.675.339	255.280.483.805
310	I Nợ ngắn hạn		318.344.416.071	254.045.759.757
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	12	173.891.668.862	112.472.860.680
312	2 Phải trả người bán		68.115.548.535	55.514.358.029
313	3 Người mua trả tiền trước		53.398.710.835	79.992.523.067
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.686.838.056	212.320.132
315	5 Phải trả người lao động		4.300.000.000	4.250.000.000
316	6 Chi phí phải trả	14	206.710.811	216.132.393
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	16.744.938.972	1.387.565.456
330	II Nợ dài hạn		3.973.259.268	1.234.724.048
333	3 Phải trả dài hạn khác		90.000.000	-
334	4 Vay và nợ dài hạn	16	3.736.535.220	1.088.000.000
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		146.724.048	146.724.048
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		72.045.687.796	66.626.459.181
410	I Vốn chủ sở hữu	17	71.537.225.713	66.525.817.098
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		59.537.470.000	59.537.470.000
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		377.100.055	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		3.820.000.000	1.320.000.000
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		2.380.000.000	880.000.000
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.422.655.658	4.788.347.098
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		508.462.083	100.642.083
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		508.462.083	100.642.083
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		394.363.363.135	321.906.942.986

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
4 Nợ khó đòi đã xử lý		160.792.463	160.792.463
5 Ngoại tệ các loại			
- USD		1.354.997,37	352.724,11

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Đỗ Kim Long

Đỗ Kim Long

Huỳnh Trung Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNGKhu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.444.416.008.442	1.007.722.840.907
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	3.484.670.591
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.444.416.008.442	1.004.238.170.316
11	4 Giá vốn hàng bán	19	1.393.372.185.778	933.970.991.803
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.043.822.664	70.267.178.513
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	20	565.639.884	9.375.257.588
22	7 Chi phí tài chính	21	19.347.961.899	25.204.835.872
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay, lãi chậm trả</i>		15.853.267.369	20.989.056.374
24	8 Chi phí bán hàng	22	11.008.221.493	9.833.740.316
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	16.098.328.472	26.349.336.069
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		5.154.950.684	18.254.523.844
31	11 Thu nhập khác		1.295.044.016	800.620.576
32	12 Chi phí khác		-	26.114.981
40	13 Lợi nhuận khác		1.295.044.016	774.505.595
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.449.994.700	19.029.029.439
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	1.315.686.140	2.387.105.504
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.134.308.560	16.641.923.935
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	862	3.494

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Đỗ Kim Long

Đỗ Kim Long

Huỳnh Trung Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNGKhu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2009***Đơn vị tính: VND*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		6.449.994.700	19.029.029.439
	2 Điều chỉnh cho các khoản		199.362.595	55.587.966.384
02	Khấu hao tài sản cố định		7.753.402.183	11.816.458.022
03	Các khoản dự phòng		(23.011.129.873)	22.956.505.230
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		169.462.800	238.920.429
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(565.639.884)	(412.973.671)
06	Chi phí lãi vay, lãi chậm trả		15.853.267.369	20.989.056.374
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.649.357.295	74.616.995.823
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		4.361.091.660	(49.700.727.804)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(40.515.778.994)	(90.246.703.842)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.203.970.505)	57.157.810.886
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.885.222.875)	(4.282.652.016)
13	Tiền lãi vay đã trả		(12.085.134.872)	(17.218.337.342)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(5.494.800.837)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.862.285.268	79.201.632.468
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(28.562.320.452)	(83.301.718.279)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(58.379.693.475)	(39.268.500.943)
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.854.215.886)	(9.315.909.613)
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		565.639.884	412.973.671
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.288.576.002)	(10.902.935.942)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		560.015.283.726	338.509.314.630
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(496.547.470.859)	(285.989.822.724)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		63.467.812.867	52.519.491.906

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNGKhu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2009***Đơn vị tính: VND*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(200.456.610)	2.348.055.021
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		12.301.869.467	9.946.772.714
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		211.260.105	7.041.732
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	12.312.672.962	12.301.869.467

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Đỗ Kim Long

Đỗ Kim Long

Huỳnh Trung Quang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Thép Đà Nẵng thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam theo Quyết định số 690/QĐ-BCN ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Các công ty liên kết:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Thép Miền Trung	KCN An Đôn, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 0400101549 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 02 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 05 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh: phôi thép, thép xây dựng các loại, tôn mạ màu, xà gỗ, lưới thép, thép chế tạo thông dụng, các chi tiết gang thép, các loại khí công nghiệp;
- Đại lý, kinh doanh mua bán vật tư, nguyên vật liệu;
- Gia công, chế tạo các chi tiết gang thép;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm thép, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu và trang thiết bị phục vụ sản xuất và kinh doanh thép, sản xuất và kinh doanh khí ôxy y tế.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình mua sắm trong năm được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định nhận bàn giao từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước ghi nhận bằng giá trị còn lại của tài sản bàn giao.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Từ ngày 01/01/2009, Công ty thay đổi thời gian khấu hao của tài sản cố định so với năm 2008, mức khấu hao năm 2009 được áp dụng theo thời gian sử dụng tối đa tại Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính. Do đó, làm giảm mức khấu hao tài sản cố định năm 2009 so với mức khấu hao Công ty áp dụng trong năm 2008 với số tiền ước tính khoảng 4.839.853.112 VND. Do đó, mức khấu hao hàng năm của những năm tiếp theo giảm với giá trị tương ứng (trừ trường hợp tài sản cố định đã khấu hao hết hoặc thanh lý, nhượng bán trong năm).

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	2008	2009
	năm	năm
- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25	10 - 30
- Máy móc, thiết bị	07 - 10	10 - 12
- Phương tiện vận tải	07 - 09	10
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	08
- Phần mềm kế toán	04	04

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Từ năm 2009, việc xử lý các khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

	Năm 2009	Năm 2008
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (từ 1 năm trở xuống)	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.
Công nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.	

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8897/BKH/DN ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án "Đầu tư lò điện 15 tấn/mẻ" thì Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, được miễn 1 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại. Năm 2004, Công ty bắt đầu được hưởng ưu đãi đầu tư từ dự án này.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 7748/BKH/PTDN ngày 22/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án "Nhà máy Thép 250.000 tấn/năm" thì Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, được miễn 1 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư này mang lại. Năm 2007, Công ty bắt đầu được hưởng ưu đãi đầu tư từ dự án này.

Theo Công văn số 891/TĐN-KTTC ngày 16/10/2008 của Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng về việc đăng ký mức miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 tại Cục thuế Đà Nẵng cho hoạt động đầu tư "Hệ thống hút lọc bụi" và Công văn số 7133/CT-TTHT ngày 16/12/2008 của Cục thuế Đà Nẵng trả lời Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng về việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì: Tại điểm 2, mục IV, phần E, Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính: "Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại". Theo đó, Công ty được miễn 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại.

Cũng theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính, do Công ty không hạch toán riêng được phần thu nhập tăng thêm của các dự án đầu tư nên Công ty tính toán giá trị phần thu nhập tăng thêm của mỗi dự án dựa trên tỷ trọng giữa giá trị tài sản cố định đầu tư mới của mỗi dự án trên tổng nguyên giá tài sản cố định của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

3 . TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	150.269.305	64.856.857
Tiền gửi ngân hàng	12.162.403.657	12.237.012.610
Cộng	<u>12.312.672.962</u>	<u>12.301.869.467</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu Thuế thu nhập cá nhân	195.671.241	214.516.141
Phải thu khác	142.606.682	107.426.489
Cộng	<u>338.277.923</u>	<u>321.942.630</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	81.717.440.191	52.822.598.984
Công cụ, dụng cụ	77.212.659	67.349.968
Thành phẩm	100.260.556.129	76.687.187.372
Hàng hoá	-	11.962.293.661
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>182.055.208.979</u>	<u>141.539.429.985</u>

6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế GTGT	26.960.969	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.385.206.675
Cộng	<u>26.960.969</u>	<u>2.385.206.675</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Các khoản tạm ứng	4.284.138.513	1.514.374.631
Thế chấp, kỹ quỹ ký cược ngắn hạn	19.416.260.801	5.751.498.109
Cộng	<u>23.700.399.314</u>	<u>7.265.872.740</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNGKhu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.370.328.985	181.485.714
- Dự án đầu tư nâng cấp thiết bị Xưởng luyện thép	181.485.714	181.485.714
- Dự án đầu tư xây dựng hệ thống lọc bụi	471.785.438	-
- Dự án bãi liệu mở rộng	1.367.170.276	-
- Xây dựng hệ thống tường rào	335.850.193	-
- Xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế	14.037.364	-
Mua sắm tài sản cố định	209.406.381	-
- Cụm dây truyền máy đập đầu mối	61.752.381	-
- Hệ thống Ccamera quan sát	40.886.000	-
- Hệ thống điều hòa phân xưởng luyện	106.768.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	105.070.834	-
- Chi phí cải tạo, sửa chữa dây truyền cán tại Hòa Khánh	105.070.834	-
Cộng	2.684.806.200	181.485.714

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thép Miền trung	4.000.000.000	2.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	34.527.136.500	34.527.136.500
Cộng	38.527.136.500	36.527.136.500

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thép Miền Trung	Đà Nẵng	20%	20%	Sản xuất và kinh doanh thép

Trong năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thép Miền Trung có lãi. Vì vậy, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Đầu tư dài hạn khác

<u>Cổ phiếu</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	964.115	7,14%	32.972.733.000
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	70.335	0,70%	1.554.403.500
Cộng			34.527.136.500

Theo Biên bản họp ngày 07/11/2007 và Nghị quyết ngày 08/11/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty, mục đích đầu tư vào các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thép Việt Nam là nhằm thiết lập quan hệ đối tác chiến lược lâu dài. Đây là khoản đầu tư vào doanh nghiệp, không phải đầu tư vì mục đích thương mại. Mặt khác, năm 2009 bên doanh nghiệp đầu tư kinh doanh có lãi, vì vậy Công ty không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vỏ chai ô xy	1.081.847.463	2.580.433.333
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	149.689.813	411.499.913
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	136.266.542	284.920.957
Tiền thuê đất trả trước cho nhiều kỳ	5.333.641.028	-
Cộng	6.701.444.846	3.276.854.203

12 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	172.803.668.862	106.616.677.062
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Đà Nẵng ¹	21.453.216.714	15.849.887.100
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân ²	29.988.476.796	29.854.230.665
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng ³	79.682.954.911	46.737.559.297
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Đà Nẵng ⁴	29.120.046.469	-
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu - CN Đà Nẵng ⁵	9.836.010.198	-
- Ngân hàng Liên doanh VID-PUBLIC ⁶	2.722.963.774	-
- Vay đối tượng khác	-	14.175.000.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	1.088.000.000	5.856.183.618
Cộng	173.891.668.862	112.472.860.680

Thông tin bổ sung các khoản vay tại thời điểm 31/12/2009:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 211.09.301.662782.TD.DN ngày 09/11/2009, với các điều khoản sau:
 - + Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn giải ngân: đến ngày 30/06/2010 kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: trên từng khế ước nhận nợ (từ 10,5%/năm đến 12,0%/năm). Lãi trả hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản với giá trị thế chấp là 35.834.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2009/HĐ ngày 31/03/2009, với các điều khoản sau:
 - + Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn giải ngân: đến ngày 30/03/2010 kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: trên từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể (từ 10,5%/năm đến 12,0%/năm). Lãi trả hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản.

Thông tin bổ sung các khoản vay tại thời điểm 31/12/2009 (tiếp theo):

3. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 316/VCB-KHDN ngày 06/10/2009, với các điều khoản sau:
- + Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn giải ngân: đến ngày 30/08/2010 kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: trên từng giấy nhận nợ (từ 10,5%/năm đến 12,0%/năm). Lãi trả hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản với tổng giá trị là 156.000.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản.
4. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 27/HĐTDHMHTLS/SCB-ĐN.09 ngày 17/07/2009, với các điều khoản sau:
- + Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 254.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể (từ 10,5%/năm đến 12,0%/năm). Lãi trả hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp tài sản.
- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 23/HĐTD/SCB-ĐN.09 ngày 08/07/2009, với các điều khoản sau:
- + Ngân hàng đồng ý cho vay số tiền là 615.300 USD;
 - + Mục đích vay: thanh toán bộ chứng từ nhập khẩu thép phế liệu;
 - + Thời hạn vay: 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: trên từng bảng kê nhận nợ (6%/năm). Lãi trả hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
5. Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 06/2009/HĐTD/NH-PN/PGB ĐN-THEPDANANG ngày 16/12/2009, với các điều khoản sau:
- + Ngân hàng đồng ý cho vay số tiền là 6.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: thanh toán tiền mua sắt phế liệu;
 - + Thời hạn vay: 3 tháng kể từ ngày nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: 12,0%/năm. Lãi trả hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay trị giá là 12.000.000.000 VND..
- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 05/2009/HĐTD/NH-PN/PGB ĐN-THEPDANANG ngày 13/08/2009, với các điều khoản sau:
- + Ngân hàng đồng ý cho vay số tiền là 7.500.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: thanh toán L/C nhập hàng;
 - + Thời hạn vay: 4 tháng kể từ ngày nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: 10,5%/năm. Lãi trả hàng tháng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay trị giá là 9.470.975.000 VND..
6. Hợp đồng tín dụng số DNG/LC/TR/RC/09/151 ngày 21/08/2009, với các điều khoản sau:
- + Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 210.000 USD;
 - + Mục đích vay: mở thư tín dụng (LC), tài trợ thanh toán nhập khẩu (TR), bổ sung vốn lưu động (RC);
 - + Thời hạn duy trì hạn mức: cụ thể cho từng hình thức tài trợ;
 - + Lãi suất cho vay: đối LC: hoa hồng 0,1%/tháng, đối với TR: lãi suất sibor 6 tháng + 2,5%/năm hoặc lãi suất tiền gửi định kỳ 6 tháng + 2,5%/năm, đối với RC bằng USD: lãi suất sibor + 2,5%/năm hoặc lãi suất tiền định kỳ + 2,5%/năm, đối với RC bằng VND: lãi suất liên ngân hàng + 2% năm hoặc lãi suất tiền gửi định kỳ + 2%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo hợp đồng thế chấp tài sản với giá trị là 5.280.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.777.653	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.315.686.140	-
Thuế Thu nhập cá nhân	73.461.350	212.320.132
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	290.912.913	-
Cộng	<u>1.686.838.056</u>	<u>212.320.132</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	206.710.811	216.132.393
Cộng	<u>206.710.811</u>	<u>216.132.393</u>

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	186.258.191	115.916.392
Bảo hiểm xã hội	439.586.038	222.100.684
Các quỹ Công ty	426.805.940	412.054.307
Vay không có lãi	11.000.000.000	-
Phải trả Công ty TNHH An Hưng Tường	4.054.214.711	-
Phải trả, phải nộp khác	638.074.092	637.494.073
Cộng	<u>16.744.938.972</u>	<u>1.387.565.456</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

16 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	3.736.535.220	1.088.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân (*)	3.736.535.220	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng	-	1.088.000.000
Cộng	<u>3.736.535.220</u>	<u>1.088.000.000</u>

Thông tin bổ sung cho khoản vay tại thời điểm 31/12/2009:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 002/2009/HĐTD ngày 11/08/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền là 7.000.000.000 VND và 327.500 USD;
- + Mục đích vay: đầu tư dự án cải tạo nâng cấp hệ thống hút bụi lò điện 18 tấn/mẻ.
- + Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Trả gốc theo lịch trong hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng VND trả lãi sau tại thời điểm ký hợp đồng cộng (+) phí ngân hàng là 4% năm và được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Lãi trả hàng tháng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản được hình thành từ vốn tự có và vốn vay của dự án "Cải tạo nâng cấp hệ thống hút bụi lò điện 18 tấn/mẻ" với giá trị thế chấp là 18.964.676.000 VND theo hợp đồng thế chấp tài sản.
- + Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2009 là 3.736.535.220 VND, do chưa giải ngân hết nên chưa xác định được kế hoạch trả nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNGKhu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59.537.470.000	59.537.470.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	59.537.470.000	41.418.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	18.119.470.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	59.537.470.000	59.537.470.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	18.119.470.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	6.212.660.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	11.906.810.000

d) Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.953.747	5.953.747
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.953.747	5.953.747
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.953.747	5.953.747
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.953.747	5.953.747
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.820.000.000	1.320.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	2.380.000.000	880.000.000
Cộng	6.200.000.000	2.200.000.000

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu thành phẩm thép	559.851.347.619	673.520.521.404
Doanh thu bán hàng hóa	101.754.397.878	331.923.417.818
Doanh thu bán sản phẩm khác	1.302.442.200	2.278.901.685
Giá trị hàng hóa nhập khẩu ủy thác	774.413.478.683	-
Doanh thu từ phí ủy thác nhập khẩu	7.094.342.062	-
Cộng	1.444.416.008.442	1.007.722.840.907

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của thành phẩm phôi thép	529.203.264.460	587.299.737.232
Giá vốn của hàng hóa	110.374.252.675	321.770.895.005
Giá vốn của sản phẩm khác	483.342.054	1.021.890.913
Giá trị hàng hóa nhập khẩu ủy thác	774.413.478.683	-
Giá vốn tương ứng với phí ủy thác nhập khẩu	1.908.977.779	-
Chi phí dừng sản xuất	-	867.338.780
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(23.011.129.873)	23.011.129.873
Cộng	1.393.372.185.778	933.970.991.803

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	565.639.884	412.973.671
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	7.329.474.250
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.489.350.447
Lãi bán hàng trả chậm	-	143.459.220
Cộng	565.639.884	9.375.257.588

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	11.239.418.088	14.915.353.419
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	4.613.849.281	6.073.877.569
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.258.242.040	2.481.526.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	169.462.800	1.728.270.876
Chi phí tài chính khác	66.989.690	5.807.104
Cộng	19.347.961.899	25.204.835.872

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân công	317.806.600	985.607.704
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	276.939.090	190.727.273
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	6.545.247.588	7.566.068.323
Chi phí bảo hiểm hàng hóa	421.665.926	134.614.303
Chi phí khác bằng tiền	3.446.562.289	956.722.713
Cộng	11.008.221.493	9.833.740.316

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNGKhu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đồ dùng	2.057.381.194	1.685.729.741
Chi phí nhân công	1.218.621.791	8.047.463.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.164.731.040	1.912.807.384
Thuế, phí, lệ phí	1.032.255.653	881.127.318
Chi phí dự phòng	-	108.287.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.458.182.499	6.584.385.259
Chi phí khác bằng tiền	4.167.156.295	7.129.535.608
Cộng	16.098.328.472	26.349.336.069

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.449.994.700	19.029.029.439
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	432.384.103	80.932.293
- Các khoản điều chỉnh tăng	432.384.103	2.164.265.876
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.083.333.583)
Tổng thu nhập chịu thuế	6.882.378.803	19.109.961.732
Tổng thu nhập tính thuế	6.882.378.803	19.109.961.732
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	1.720.594.701	5.350.789.285
Thuế TNDN ưu đãi do miễn giảm và áp dụng thuế suất khác thuế suất thông thường	(404.908.561)	(2.963.683.781)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.315.686.140	2.387.105.504

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.134.308.560	16.641.923.935
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.134.308.560	16.641.923.935
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.953.747	4.763.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	862	3.494

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	957.245.723.521	638.221.227.433
Chi phí nhân công	20.852.101.180	18.940.685.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.378.127.498	9.903.650.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.866.677.368	13.942.586.447
Chi phí khác bằng tiền	693.447.297	4.669.610.800
Cộng	<u>987.036.076.864</u>	<u>685.677.760.780</u>

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lập, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Đỗ Kim Long

Đỗ Kim Long

Huỳnh Trung Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	27.663.861.013	38.042.988.280	7.736.815.103	667.176.534	-	74.110.840.930
2. Số tăng trong năm	-	315.280.045	1.893.266.000	129.595.238	-	2.338.141.283
- Mua sắm mới	-	315.280.045	1.893.266.000	129.595.238	-	2.338.141.283
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	27.663.861.013	38.358.268.325	9.630.081.103	796.771.772	-	76.448.982.213
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	5.880.259.759	10.786.732.160	2.045.354.180	131.586.759	-	18.843.932.858
2. Số tăng trong năm	2.269.774.042	4.533.738.638	886.698.831	63.190.672	-	7.753.402.183
- Trích khấu hao	2.269.774.042	4.533.738.638	886.698.831	63.190.672	-	7.753.402.183
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	8.150.033.801	15.320.470.798	2.932.053.011	194.777.431	-	26.597.335.041
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	21.783.601.254	27.256.256.120	5.691.460.923	535.589.775	-	55.266.908.072
2. Cuối năm	19.513.827.212	23.037.797.527	6.698.028.092	601.994.341	-	49.851.647.172

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

35.063.595.207 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

252.432.292 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP ĐÀ NẴNG

Khu công nghiệp Liên Chiểu, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.418.000.000	-	-	-	8.815.893.163	50.233.893.163
Tăng vốn trong năm trước	18.119.470.000	-	1.320.000.000	880.000.000	-	20.319.470.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	16.641.923.935	16.641.923.935
Giảm khác	-	-	-	-	20.669.470.000	20.669.470.000
Số dư cuối năm trước	59.537.470.000	-	1.320.000.000	880.000.000	4.788.347.098	66.525.817.098
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	5.134.308.560	5.134.308.560
Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	2.500.000.000	1.500.000.000	-	4.000.000.000
Tăng khác	-	377.100.055	-	-	-	377.100.055
Giảm do phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	59.537.470.000	377.100.055	3.820.000.000	2.380.000.000	5.422.655.658	71.537.225.713

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Tổng Công ty Thép Việt Nam	17.861.510.000	30,00	17.861.510.000,00	30,00
Vốn góp của đối tượng khác	41.675.960.000	70,00	41.675.960.000,00	70,00
Cộng	59.537.470.000	100,00	59.537.470.000	100,00